

Số: 49/HD- CSTC

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2014

HƯỚNG DẪN

Thực hiện một số điều của Điều lệ Hội chiến sĩ Thành cổ Quảng Trị năm 1972

Căn cứ điều lệ Hội chiến sĩ Thành cổ Quảng Trị năm 1972 được đại hội thông qua ngày 19 tháng 7 năm 2013 và đã được Bộ Nội vụ phê duyệt tại quyết định số 388/QĐ-BNV, ngày 16 tháng 4 năm 2014. Ban Chấp hành Hội ban hành hướng dẫn thực hiện một số điều của Điều lệ Hội như sau:

1. Hội viên

1.1 Hội viên chính thức: Công dân Việt Nam, các lực lượng vũ trang cách mạng đã trực tiếp chiến đấu và phục vụ chiến đấu trong 81 (tám mươi một) ngày đêm bảo vệ thành cổ Quảng Trị năm 1972, tán thành điều lệ Hội, tự nguyện xin gia nhập Hội đều được xem xét, kết nạp làm Hội viên chính thức của Hội (gồm các đơn vị: Quân Khu Trị Thiên, Mặt trận B5 - Đường 9, Các sư đoàn: 304, 308, 320b, 324, 325, 312, Các Trung đoàn, Tiểu đoàn, Đại đội độc lập: Pháo binh, Phòng không, Thiết giáp, Công binh, Hải quân, Đặc công, Bộ đội địa phương, An ninh, Chính trị, Biệt động, Du kích... Và các lực lượng khác phục vụ, chi viện trực tiếp chiến đấu trong 81 ngày đêm).

- Tình nguyện và có đơn xin gia nhập Hội.
 - Được tổ chức Hội chiến sĩ Thành cổ ở các cấp Hội thẩm định và đề nghị.
- Được Quyết định kết nạp là hội viên;
- Hội viên được cấp thẻ hội viên;
 - Cấp quyết định kết nạp hội viên đồng thời là cấp quyết định khai trừ hội viên ra khỏi Hội;

1.2. Hội viên liên kết: - Là công dân Việt Nam thuộc các đơn vị lực lượng vũ trang cách mạng đã tham gia phục vụ chiến đấu bảo vệ Thành cổ Quảng Trị trong 81 (tám mươi một) ngày đêm năm 1972, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện xin gia nhập Hội đều được xem xét kết nạp làm hội viên liên kết của Hội (gồm lực lượng dân quân và dân công, thanh niên xung phong, cán bộ nhân dân các địa phương đơn vị tham gia phục vụ chiến đấu trong 81 ngày đêm).

-Điều kiện ra vào Hội như hội viên chính thức.

Hội viên tổ chức: Hội chiến sĩ thành cổ Quảng Trị năm 1972 của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được thành lập theo quy định của pháp luật, tán thành Điều lệ Hội và tự nguyện xin gia nhập Hội chiến sĩ thành cổ Quảng Trị năm 1972 (cả nước) đều được xem xét kết nạp làm hội viên liên kết của Hội.

-Điều kiện Hội có đơn xin gia nhập và được Ban thường vụ Trung ương Hội ra quyết định công nhận.

1.3. Hội viên danh dự: Là công dân Việt Nam có uy tín, có nhiều đóng góp cho Hội, được Hội mời và suy tôn là Hội viên danh dự.

2. Hội phí

- Hội phí xây dựng Hội : 100.000 đ (một trăm ngàn) nộp 01 lần khi được kết nạp là hội viên chính thức của hội,
- Hội viên chính thức nộp Hội phí hàng năm 50.000đ (Năm mươi ngàn đồng);
- Phân phối sử dụng hội phí: 40% phường, xã, thị trấn hoặc chi hội; 20% huyện, thành phố, thị xã hoặc liên chi hội; 20% tỉnh, thành hoặc liên chi hội tỉnh; 20% trung ương hội. Nếu hội 3 cấp theo tỷ lệ: 50,30,20 (20 là cấp trung ương 30 là cấp trung gian huyện hoặc tỉnh, liên chi Hội; Nếu hội 2 cấp theo tỷ lệ: 40, 60; 40 là cấp trung ương).
- Hội phí chỉ được sử dụng vào mục đích hoạt động của hội.
- Hội viên xin ra khỏi Hội hoặc bị khai trừ không được trả lại hội phí.

3. Tổ chức Hội

a. Thành lập Hội Chiến sĩ Thành cổ Quảng Trị năm 1972 của các tỉnh, thành phố theo Nghị định 45/2010 ND-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức hoạt động và quản lý Hội;

- Điều kiện để Hội các tỉnh, thành phố sau khi đại hội thành lập và được cấp có thẩm quyền phê duyệt Điều lệ Hội trở thành thành viên liên kết của Hội chiến sĩ Thành cổ Quảng Trị năm 1972 tự nguyện và có đơn đề nghị xin gia nhập Hội và được Ban Thường vụ Trung ương Hội ra quyết định công nhận;

b. Thành lập tổ chức cơ sở thuộc Hội theo quy định tại mục 4 điều 4 Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn thi hành Nghị định số 45/2010/ND-CP của Chính phủ và Điều lệ Hội, tùy theo tình hình Hội của từng tỉnh để thành lập các cấp Hội; như sau:

- Liên chi hội, chi hội, phân hội, tổ hội (liên chi hội thuộc phạm vi tỉnh, thành phố).

- Liên chi hội, chi hội.

- Liên chi hội hoặc chi hội (Chỉ có một cấp Hội thuộc tỉnh, thành phố do có số lượng ít hội viên)

Liên chi hội, chi hội không có tư cách pháp nhân và con dấu.

- Ban thường vụ Hội quyết định thành lập Liên chi hội, Chi hội. Ban Chấp hành liên chi hội quyết định thành lập phân hội, tổ hội. Cấp nào ra quyết định thành lập tổ chức Hội theo mục b này cấp đó quyết định công nhận Ban Chấp hành Hội cấp được thành lập;

- Hồ sơ thành lập Liên chi hội, Chi hội gồm:

- * Tờ trình của Ban vận động, Ban liên lạc
- * Danh sách trích ngang hội viên Hội chiến sĩ Thành Cổ
- * Phương hướng, nhiệm vụ, nhiệm kỳ
- * Danh sách đề nghị công nhận Ban chấp hành lâm thời
- * Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Ban thường vụ Hội ban hành quyết định thành lập và công nhận Ban chấp hành lâm thời.

* Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày có quyết định thành lập, Ban chấp hành lâm thời Liên chi hội hoặc Chi hội tổ chức đại hội nhiệm kỳ.

4. Quy định tên gọi trong nội bộ Hội

- Hội chiến sĩ Thành cổ Quảng Trị năm 1972 gọi là Trung ương Hội chiến sĩ Thành cổ Quảng Trị năm 1972 (Ban Chấp hành Trung ương, Ban Thường vụ Trung ương).

- Hội chiến sĩ Thành cổ Quảng Trị năm 1972 các tỉnh thành phố hoặc cấp huyện có tên: Hội chiến sĩ Thành cổ Quảng Trị năm 1972 + tỉnh hoặc huyện, thành phố, thị xã.

* Ví dụ: Hội chiến sĩ Thành cổ Quảng Trị năm 1972 tỉnh Quảng Trị (gọi là tỉnh hội, thành hội, huyện, thị hội).

5. Tổ chức đại hội

a. Đại hội thành lập hội, theo quy định tại điều 10 và 11 của nghị định 45/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

b. Đại hội nhiệm kỳ và đại hội bất thường được quy định tại điều 20 và 21 của nghị định 45/2010 của chính phủ.

c. Báo cáo kết quả đại hội được quy định tại điều 12 của nghị định 45/2010 gồm:

- Điều lệ và biên bản hoặc nghị quyết thông qua điều lệ;
- Biên bản bầu Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra (có danh sách kèm theo) và lý lịch người đứng đầu;

- Chương trình hoạt động Hội và Nghị quyết đại hội;

Gửi đến cấp có thẩm quyền theo điều 14 nghị định 45/2010/NĐ-CP của chính phủ, Ví dụ: Gửi báo cáo đại hội nhiệm kỳ Hội cấp tỉnh đến UBND cấp tỉnh.

d. Đại hội nhiệm kỳ liên chi hội, chi hội... có hướng dẫn riêng.

6. Số lượng Ban Chấp hành Hội:

Do đại hội cùng cấp quyết định, theo hướng.

- Ban chấp hành các tỉnh, thành phố không quá 35;
- Ban chấp hành các quận, huyện, thị xã, thành phố, thuộc tỉnh không quá 21;
- Ban chấp hành cấp cơ sở không quá 15;
- Ban Thường vụ số lượng không quá 1/3 Ban chấp hành
- Ban kiểm tra mỗi cấp không quá 5;
- Ban chấp hành Liên chi hội không quá 15, chi hội không quá 9.

7. Thường trực Hội:

Thay mặt Ban Thường vụ giải quyết công việc thường xuyên, Thường trực Hội gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và Tổng thư ký.

8. Trụ sở:

- Trụ sở Hội chiến sĩ Thành cổ Quảng Trị năm 1972 theo Điều lệ hội;

- Đặt văn phòng đại diện Hội chiến sĩ thành cổ Quảng Trị năm 1972 tại tỉnh Quảng Trị và thành phố Hồ Chí Minh.

- Đặt trụ sở Hội chiến sĩ Thành Cổ Quảng Trị năm 1972 các tỉnh, thành phố hoặc cấp huyện do đại hội cùng cấp quyết định.

Thủ tục đặt trụ sở và văn phòng đại diện theo quy định của pháp luật.

9. Quản lý tài chính Hội

- Ban Thường vụ Hội xây dựng quy chế quản lý tài chính phù hợp với điều lệ Hội và đúng quy định của pháp luật trình Ban Chấp hành quyết định. Thường trực Hội căn cứ quy chế tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm trước Ban chấp hành, Ban Thường vụ và pháp luật.

10. Chế độ hội nghị, sinh hoạt và hoạt động

- Ban Thường vụ Hội xây dựng quy chế hoạt động của Ban chấp hành phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật, nhằm phát huy hiệu quả hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban kiểm tra và các cơ quan chuyên môn trình Ban Chấp hành quyết định.

- Căn cứ quy chế hoạt động, Thường trực Hội thay mặt Ban Thường vụ chỉ đạo, chỉ huy điều hành có hiệu quả.

11. Khen thưởng, kỷ luật.

- Ban Thường vụ Hội quyết định thành lập Hội đồng Thi đua khen thưởng và Hội đồng kỷ luật của Hội

- Hội đồng thi đua khen thưởng Hội xây dựng quy chế thi đua khen thưởng phù hợp với luật thi đua khen thưởng và Điều lệ Hội trình Ban Chấp hành quyết định.

Hội đồng Thi đua khen thưởng tư vấn, tham mưu cho Ban Thường vụ Hội ban hành các quyết định khen thưởng phù hợp với luật Thi đua, khen thưởng và các Nghị định Chính phủ, các hướng dẫn của các bộ ngành liên quan.

- Hội đồng kỷ luật tham mưu, tư vấn cho Ban thường vụ Hội ban hành các quyết định kỷ luật đối với tổ chức hội và hội viên.

Trên đây hướng dẫn thực hiện một số điều của Điều lệ hội, trong quá trình thực hiện nếu có điều gì vướng mắc đề nghị phản ánh về Ban Thường vụ Hội để có hướng dẫn cụ thể ./.

Nơi nhận:

- Các Bộ: Nội vụ, Quốc phòng, Công an, LĐTĐ & XH, Tài chính (báo cáo);
- Ban Dân vận TW, UBMT Tộc quốc VN (báo cáo);
- UBND các tỉnh, thành phố (phối hợp);
- Hội, Ban liên lạc CSTC các tỉnh, thành phố (thực hiện);
- 59 Ủy viên Ban Chấp hành, các Ban TW Hội;
- Lưu.



Phạm Xuân Thệ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

SAO Y BẢN CHÍNH

Số: 1382/ SY-UBND

Bình Định, ngày 12 tháng 8 năm 2014

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Sở Nội vụ;
- Hội Cựu chiến binh tỉnh;
- CVP, PVPVX, K11, K12, K16;
- Lưu: VT (13b).

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ VĂN PHÒNG**



Mai Việt Trung

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 088 /QĐ-BNV

UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH
VĂN PHÒNG

Số:
Ngày:
Chuyên:
Lưu hồ sơ S5:

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Điều lệ Hội Chiến sĩ Thành cổ Quảng Trị năm 1972

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL-L004 ngày 20 tháng 5 năm 1957 ban hành Luật quy định quyền lập hội;

Căn cứ Nghị định số 61/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 8 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội Chiến sĩ Thành cổ Quảng Trị năm 1972 và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ Hội Chiến sĩ Thành cổ Quảng Trị năm 1972 đã được Đại hội thành lập Hội thông qua ngày 19 tháng 7 năm 2013.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chủ tịch Hội Chiến sĩ Thành cổ Quảng Trị năm 1972, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ và Chánh Văn phòng Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- UBND tỉnh Quảng Trị;
- Bộ Công an;
- Lưu: VT, TCCP.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Tiến Đình

ĐIỀU LỆ
HỘI CHIẾN SĨ THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ NĂM 1972
(Phê duyệt kèm theo Quyết định số 588/QĐ-BNV
ngày 16 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

1. Tên tiếng Việt: Hội Chiến sĩ Thành cổ Quảng Trị năm 1972.
2. Tên tiếng Anh: The Association of Quang Tri Citadel Soldiers in 1972 (viết tắt là: ACS 1972).
3. Hội Chiến sĩ Thành Cổ Quảng Trị năm 1972 có biểu tượng riêng (logo) được đăng ký bản quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

1. Hội Chiến sĩ Thành cổ Quảng Trị năm 1972 (gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội tự nguyện, tập hợp công dân Việt Nam là cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang cách mạng đã trực tiếp chiến đấu và tham gia, phục vụ chiến đấu trong 81 (tám mươi một) ngày đêm bảo vệ Thành cổ Quảng Trị năm 1972 đang sống và làm việc trên địa bàn cả nước.
2. Mục đích của Hội là tập hợp, đoàn kết hội viên nhằm động viên hội viên hỗ trợ nhau trong cuộc sống, xóa đói giảm nghèo, tham gia hoạt động nghĩa tình đồng đội, tri ân liệt sĩ; tham gia tìm kiếm hài cốt liệt sĩ hy sinh trong chiến dịch bảo vệ Thành cổ Quảng Trị 1972, khơi dậy, phát huy truyền thống cách mạng, nâng cao tinh thần yêu nước, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng theo quy định của pháp luật; hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.
2. Trụ sở của Hội đặt tại Hà Nội. Tùy theo nhu cầu hoạt động Hội có thể đặt văn phòng đại diện tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Hội hoạt động trên phạm vi cả nước.
2. Hội chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và các bộ, ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.
6. Hoạt động trên cơ sở thảo luận dân chủ, lãnh đạo tập thể, cá nhân phụ trách và biểu quyết theo đa số.

Chương II NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN

Điều 6. Quyền hạn

1. Tuyên truyền tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.
2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến tôn chỉ, mục đích, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội theo quy định của pháp luật.
3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.
4. Tham gia các hoạt động tuyên truyền nhằm khơi dậy, phát huy truyền thống anh hùng cách mạng; tổ chức hoặc phối hợp với cơ quan có liên quan triển khai các hoạt động giữ gìn, phát huy, khơi dậy phẩm chất anh hùng cách mạng theo quy định của pháp luật; đề xuất, kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền về việc giữ gìn, phát huy truyền thống anh hùng cách mạng theo quy định của pháp luật.
5. Tổ chức các hoạt động chia sẻ, nghĩa tình, động viên, giúp đỡ hội viên và đồng đội, hỗ trợ nhau trong cuộc sống, xóa đói giảm nghèo. Tham gia hoạt động tri ân liệt sĩ, tìm kiếm hài cốt liệt sĩ hy sinh trong chiến dịch bảo vệ Thành cổ Quảng Trị 1972 theo quy định của pháp luật.
6. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.
7. Thành lập pháp nhân thuộc Hội theo quy định của pháp luật.

8. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải kinh phí hoạt động.

9. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

10. Thực hiện các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được phê duyệt. Không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích, Điều lệ của Hội góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

3. Phổ biến, huấn luyện kiến thức cho hội viên, hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và Điều lệ, quy chế, quy định của Hội.

4. Cập nhật, tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phổ biến tới hội viên; đề xuất, kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết chế độ, chính sách cho hội viên theo quy định của pháp luật.

5. Đại diện hội viên tham gia, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

6. Hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật.

7. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hội.

8. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo đúng quy định của pháp luật.

9. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu hoặc theo quy định của pháp luật.

Chương III HỘI VIÊN

Điều 8. Tiêu chuẩn và điều kiện hội viên

1. Hội viên chính thức: Công dân Việt Nam là cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang cách mạng đã trực tiếp chiến đấu trong 81 (tám mươi một) ngày

đêm bảo vệ Thành cổ Quảng Trị năm 1972, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện xin gia nhập Hội đều được xem xét, kết nạp làm hội viên chính thức của Hội.

2. Hội viên liên kết:

a) Công dân Việt Nam là cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang cách mạng đã tham gia, phục vụ chiến đấu trong 81 (tám mươi mốt) ngày đêm bảo vệ Thành cổ Quảng Trị năm 1972, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện xin gia nhập Hội đều được xem xét, kết nạp làm hội viên liên kết của Hội.

b) Hội viên tổ chức: Hội có lĩnh vực hoạt động chính liên quan đến Thành cổ Quảng Trị năm 1972 ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được thành lập theo quy định của pháp luật, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện xin gia nhập Hội đều được xem xét, kết nạp làm hội viên liên kết của Hội.

3. Hội viên danh dự: Công dân Việt Nam có uy tín, có nhiều đóng góp cho Hội được Hội mời, suy tôn là hội viên danh dự.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.
2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, tham gia các hoạt động do Hội tổ chức; được giúp đỡ, tạo điều kiện theo khả năng của Hội trong công tác liên quan tới nhiệm vụ, quyền hạn của Hội.
3. Được thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với Hội, cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.
4. Được dự Đại hội (nếu là đại biểu), ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Hội theo quy định của Hội và quy định của pháp luật.
5. Được giới thiệu hội viên mới.
6. Được Hội khen thưởng theo quy định của Hội và quy định của pháp luật.
7. Được cấp thẻ hội viên.
8. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.
9. Hội viên liên kết, hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hội.

Điều 10. Nhiệm vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của Hội.

2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.

3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.

4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.

5. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên, thủ tục ra khỏi Hội

1. Công dân Việt Nam có đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 8 Điều lệ này, tán thành Điều lệ Hội và tự nguyện làm đơn gia nhập Hội gửi Ban Thường vụ (thông qua Văn phòng Hội), được Hội xem xét, kết nạp làm hội viên của Hội.

2. Hội viên của Hội khi xét thấy không đủ điều kiện tham gia Hội, làm đơn ra khỏi Hội gửi Ban Thường vụ (thông qua Văn phòng Hội), được Hội xem xét, chấp thuận.

3. Hội viên bị khai trừ khỏi Hội trong các trường hợp:

a) Hội viên cá nhân: Vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ Hội, không chấp hành nghị quyết, quyết định của Hội hoặc làm mất uy tín Hội;

b) Hội viên tổ chức: Bị giải thể theo quy định của pháp luật.

Chương IV TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu tổ chức

1. Đại hội đại biểu.

2. Ban Chấp hành Hội.

3. Ban Thường vụ Hội.

4. Ban Kiểm tra Hội.

5. Văn phòng, các ban chuyên môn.

6. Tổ chức thuộc Hội có tư cách pháp nhân được thành lập theo quy định của pháp luật.

7. Ở tổ chức, cơ sở có từ 20 (hai mươi) hội viên trở lên có thể thành lập chi hội thuộc Hội. Ban Thường vụ Hội quy định cụ thể trình tự, thủ tục thành lập, tổ chức và hoạt động chi hội thuộc Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật. Chi hội do Hội thành lập không có tư cách pháp nhân, con dấu.

Điều 13. Đại hội đại biểu

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội đại biểu (sau đây gọi tắt là Đại hội). Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 5 (năm) năm một lần do Ban Chấp hành

triệu tập. Đại hội bất thường được triệu tập khi có ít nhất $\frac{2}{3}$ (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành yêu cầu hoặc có trên $\frac{1}{2}$ (một phần hai) tổng số hội viên đề nghị. Thành phần, số lượng đại biểu dự Đại hội do Ban Chấp hành Hội quyết định.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội:

- a) Thảo luận và thông qua báo cáo hoạt động của Hội trong nhiệm kỳ và quyết định phương hướng, nhiệm vụ của Hội trong nhiệm kỳ mới;
- b) Thông qua báo cáo thu, chi tài chính nhiệm kỳ trước và kế hoạch thu, chi tài chính nhiệm kỳ mới;
- c) Thảo luận và quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và đổi tên Hội (nếu có);
- d) Bầu Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hội;
- đ) Thông qua nghị quyết, chương trình hoạt động; thảo luận và quyết định các vấn đề liên quan khác.

3. Nguyên tắc biểu quyết của Đại hội:

- a) Đại hội biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín, hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;
- b) Việc biểu quyết thông qua các nghị quyết, quyết định của Đại hội phải được trên $\frac{1}{2}$ (một phần hai) tổng số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành do Đại hội bầu ra trong số các hội viên chính thức của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chấp hành:

- a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;
- b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;
- c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội; thông qua kế hoạch và báo cáo tài chính hàng năm của Hội;
- d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; quy chế khen thưởng, kỷ luật; quy định về tiêu chuẩn hội viên, thủ tục, thẩm quyền, kết nạp hội viên, thủ tục ra khỏi Hội, khai trừ hội viên; các quy định khác trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng thư ký, ủy viên Ban Thường vụ; bầu bổ sung, thay thế ủy viên Ban Chấp hành. Số ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung không được quá 15% (mười lăm) so với số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Chấp hành họp 6 (sáu) tháng một lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) số ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín, việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp cần thiết lấy biểu quyết của Ban Chấp hành mà chưa đến thời hạn họp Ban Chấp hành theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này thì Ban Thường vụ Hội lấy biểu quyết bằng văn bản và quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) ủy viên Ban Chấp hành biểu quyết tán thành.

Điều 15. Ban Thường vụ Hội

1. Ban Thường vụ Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành; Ban Thường vụ gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng thư ký và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ cùng với nhiệm kỳ Ban Chấp hành.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Thường vụ:

a) Thay mặt Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức các tổ chức, đơn vị thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc Hội;

d) Quyết định kết nạp hội viên, cho hội viên ra khỏi Hội, khai trừ hội viên;

đ) Xem xét những kiến nghị của hội viên đề xử lý theo thẩm quyền, báo cáo Ban Chấp hành Hội giải quyết hoặc trình cơ quan có thẩm quyền xử lý.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Thường vụ họp định kỳ 03 (ba) tháng/01 (một) lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Thường vụ;

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) ủy viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín, việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định. Trong trường hợp cần thiết lấy biểu quyết của Ban Thường vụ mà chưa đến thời hạn họp Ban Thường vụ theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này thì Chủ tịch Hội lấy biểu quyết bằng văn bản và quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) ủy viên Ban Thường vụ biểu quyết tán thành;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường vụ dự họp biểu quyết tán thành.

4. Ban Thường vụ cử ra bộ phận thường trực, gồm: Chủ tịch, một số Phó Chủ tịch, Tổng thư ký để lãnh đạo, điều hành hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp của Ban Thường vụ.

Điều 16. Ban Kiểm tra Hội

1. Ban Kiểm tra gồm Trưởng ban, Phó Trưởng ban và một số ủy viên do Đại hội bầu ra. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội. Ban Kiểm tra có thể bầu bổ sung ủy viên Ban Kiểm tra nhưng không quá 20% (hai mươi) số lượng ủy viên Ban Kiểm tra đã được Đại hội quyết định và bầu các chức danh Trưởng ban, Phó Trưởng ban khi có sự thay đổi trong nhiệm kỳ.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên;

b) Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến Hội theo Điều lệ Hội, các quy định của Hội và quy định của pháp luật.

3. Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Kiểm tra ban hành phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 17. Văn phòng, các ban chuyên môn và tổ chức thuộc Hội

1. Tùy theo nhu cầu phát triển hoạt động của Hội và trên cơ sở nghị quyết của Ban Chấp hành về cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội, Ban Thường vụ Hội quyết định thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Văn phòng, các ban chuyên môn để tham mưu, giúp lãnh đạo Hội triển khai thực hiện các hoạt động của Hội theo quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

2. Khi cần thiết và trên cơ sở nghị quyết của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội quyết định việc thành lập tổ chức thuộc Hội có tư cách pháp nhân. Hồ sơ, điều kiện, trình tự, thủ tục thành lập các tổ chức thuộc Hội có tư cách pháp nhân được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Văn phòng, các ban chuyên môn và tổ chức thuộc Hội được tổ chức, hoạt động theo quy định của Ban Thường vụ phù hợp Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 18. Chủ tịch Hội

1. Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

2. Chủ tịch Hội có nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ về mọi hoạt động của Hội;

c) Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội và quy định của pháp luật;

d) Chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ;

đ) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội;

e) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Thường trực.

Điều 19. Phó Chủ tịch Hội

1. Phó Chủ tịch Hội, trong đó có Phó Chủ tịch Thường trực do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn, số lượng Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

2. Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền.

3. Phó Chủ tịch Thường trực giúp Chủ tịch Hội điều hành các hoạt động thường xuyên của Hội và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ được phân công. Được ủy quyền ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội.

4. Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 20. Tổng thư ký

1. Tổng thư ký Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ. Tiêu chuẩn Tổng thư ký do Ban Chấp hành Hội quy định phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

2. Tổng thư ký có nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Tổ chức, điều hành các hoạt động của Văn phòng Hội, quản lý hồ sơ và các tài liệu có liên quan;

b) Xây dựng quy chế làm việc của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội;

c) Định kỳ xây dựng báo cáo Ban Chấp hành, Ban Thường vụ về các hoạt động của Hội;

d) Chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và trước pháp luật về hoạt động của Văn phòng Hội.

Chương V

CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ HỘI

Điều 21. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và đổi tên Hội

1. Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và đổi tên Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất Hội thì phải tiến hành kiểm kê tài chính, tài sản của Hội chính xác, đầy đủ, kịp thời và thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Giải thể Hội

1. Hội giải thể trong các trường hợp sau:

a) Tự giải thể theo đề nghị của trên 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức thông qua tại Đại hội;

b) Bị giải thể theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi Hội vi phạm pháp luật nghiêm trọng hoặc Hội không hoạt động liên tục ít nhất 12 (mười hai tháng) và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Hồ sơ, trình tự, thủ tục, giải quyết tài sản, tài chính khi giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội và các quy định của pháp luật có liên quan.

Chương VI **TÀI CHÍNH, TÀI SẢN CỦA HỘI**

Điều 23. Tài chính, tài sản của Hội

1. Nguồn thu của Hội:

a) Hội phí do các hội viên đóng góp theo quy định. Mức hội phí do Đại hội quyết định;

b) Tài trợ, ủng hộ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;

c) Thu từ hoạt động tư vấn, dịch vụ theo quy định của pháp luật;

d) Các khoản thu hợp pháp khác.

2. Các khoản chi của Hội:

a) Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội;

b) Chi thuê trụ sở làm việc, mua sắm phương tiện làm việc;

c) Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành Hội phù hợp với quy định của pháp luật;

d) Chi khen thưởng và các khoản chi khác hợp pháp theo quy định của Ban Chấp hành.

2. Tài sản của Hội: Tài sản của Hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội; do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội, việc quản lý, sử dụng thực hiện theo các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định của Hội. Hội hoạt động theo nguyên tắc tự chủ, tự trang trải, tự cân đối tài chính, lấy thu bù chi.

2. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Ban Chấp hành Hội ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

Chương VII KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 25. Khen thưởng

1. Hội viên có thành tích xuất sắc trong công tác xây dựng, phát triển Hội được Hội xét khen thưởng hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 26. Kỷ luật

1. Tổ chức, cá nhân hội viên của Hội vi phạm những quy định sau đây thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý với các hình thức kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo, khai trừ khỏi Hội:

a) Hội viên bị khiển trách, cảnh cáo khi vi phạm Điều lệ Hội; làm tổn hại đến uy tín và lợi ích của Hội; trường hợp gây thiệt hại về vật chất, tài chính thì còn phải bồi thường theo quy định của pháp luật;

b) Hội viên bị khai trừ ra khỏi Hội khi vi phạm pháp luật đến mức bị khởi tố, không tham gia sinh hoạt Hội trong 3 kỳ được triệu tập liên tiếp, không đóng hội phí trong một năm mà không có lý do chính đáng.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Chỉ có Đại hội Hội Chiến sĩ Thành cổ Quảng Trị năm 1972 mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội biểu quyết thông qua.

Điều 28. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Hội Chiến sĩ Thành cổ Quảng Trị năm 1972 gồm 08 (tám) Chương, 28 (hai mươi tám) Điều đã được Đại hội thành lập Hội Chiến sĩ Thành cổ Quảng Trị năm 1972 thông qua ngày 19 tháng 7 năm 2013 và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Căn cứ quy định của pháp luật, Ban Chấp hành Hội Chiến sĩ Thành cổ Quảng Trị năm 1972 có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Tiến Dĩnh